

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 41, NĂM 2026

Ngày kiểm tra: 08 tháng 3 năm 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	T41001	Lê Hoài	Bảo	22/09/2003	Cần Thơ	160	180	340	Không đạt	
2	T41002	Trần Ngọc	Bích	28/03/2003	Cần Thơ	250	275	525	Đạt	
3	T41003	Nguyễn Phúc	Duy	17/10/2003	Tiền Giang	300	290	590	Đạt	
4	T41004	Trần An	Dương	25/02/2004	Hậu Giang	265	240	505	Đạt	
5	T41005	Trần Phát	Đạt	06/01/2000	Cần Thơ	-	-	0	Không đạt	Vắng
6	T41006	Nguyễn Chí	Hải	26/09/2002	Sóc Trăng	125	155	280	Không đạt	
7	T41007	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	25/08/2003	Sóc Trăng	215	325	540	Không đạt	
8	T41008	Lê Công	Hậu	20/02/2003	An Giang	145	170	315	Không đạt	
9	T41009	Nguyễn Quốc	Hội	19/05/2002	Kiên Giang	240	180	420	Không đạt	
10	T41010	Nguyễn Duy	Khánh	21/07/2002	Tiền Giang	430	295	725	Đạt	
11	T41011	Nguyễn Hữu	Nghị	07/06/2003	Tiền Giang	415	270	685	Đạt	
12	T41012	Phan Thuận	Phát	31/07/2004	Cần Thơ	165	385	550	Không đạt	
13	T41013	Phạm Hữu	Phước	09/10/2002	Sóc Trăng	145	180	325	Không đạt	
14	T41014	Trần Tấn	Quan	12/08/2003	Sóc Trăng	215	205	420	Không đạt	
15	T41015	Trần Ngọc	Tuyền	01/02/2003	Sóc Trăng	340	310	650	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
16	T41016	Tổng Hà Bảo Trân	03/09/2003	Cần Thơ	335	340	675	Đạt	
17	T41017	Nguyễn Diệp Như Ý	09/01/2003	Sóc Trăng	230	370	600	Đạt	
18	T41018	Lý Nguyệt Anh	27/08/2003	Cần Thơ	265	310	575	Đạt	
19	T41019	Ngô Huỳnh Anh	20/04/2003	Cần Thơ	470	205	675	Không đạt	
20	T41020	Võ Thị Tuyết Anh	22/09/2002	Cần Thơ	270	215	485	Không đạt	
21	T41021	Huỳnh Quốc Bảo	27/01/2003	Cần Thơ	-	-	0	Không đạt	Vắng
22	T41022	Đỗ Tường Duy	01/06/2004	An Giang	370	450	820	Đạt	
23	T41023	Nguyễn Khánh Duy	27/03/1998	Vĩnh Long	140	235	375	Không đạt	
24	T41024	Nguyễn Quốc Duy	11/06/2003	Bến Tre	305	370	675	Đạt	
25	T41025	Trần Thanh Duy	12/11/2002	Cà Mau	210	250	460	Không đạt	
26	T41026	Lê Vương Quốc Đại	26/04/2001	TP.Hồ Chí Minh	220	330	550	Không đạt	
27	T41027	Phạm Chí Đạt	28/09/2004	Trà Vinh	235	210	445	Không đạt	
28	T41028	Nguyễn Thị Diễm Hạ	18/01/2003	Cần Thơ	305	350	655	Đạt	
29	T41029	Đinh Nguyễn Hào	22/05/2003	Cần Thơ	235	255	490	Đạt	
30	T41030	Dương Thị Thu Hiền	01/02/2003	Bắc Giang	180	170	350	Không đạt	
31	T41031	Trương Nhật Hoàn	24/07/2003	Cần Thơ	260	275	535	Đạt	
32	T41032	Thiều Quang Huy Hoàng	02/06/2003	Cần Thơ	210	245	455	Không đạt	
33	T41033	Nguyễn Đan Huy	21/01/2003	An Giang	435	450	885	Đạt	
34	T41034	Lý Anh Kiệt	18/01/2003	Cần Thơ	170	385	555	Không đạt	
35	T41035	Nguyễn Hoàng Kha	10/01/2002	Bạc Liêu	-	-	0	Không đạt	Vắng
36	T41036	Nguyễn Anh Khôi	10/12/2003	Cần Thơ	230	205	435	Không đạt	
37	T41037	Trương Quốc Khởi	15/03/2003	Sóc Trăng	195	180	375	Không đạt	
38	T41038	Nguyễn Việt Khương	08/11/2003	Đồng Tháp	205	170	375	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
39	T41039	Trần Phúc Lâm	01/05/2003	Đồng Tháp	160	290	450	Không đạt	
40	T41040	Nguyễn Duy Linh	21/10/2003	Đồng Tháp	225	390	615	Đạt	
41	T41041	Đỗ Tấn Lộc	23/03/2004	Cần Thơ	120	200	320	Không đạt	
42	T41042	Nguyễn Nhật Minh	26/02/2004	Đồng Tháp	150	175	325	Không đạt	
43	T41043	Trần Thanh Mừng	10/04/2003	Cần Thơ	195	240	435	Không đạt	
44	T41044	Võ Hoài Nam	20/12/2002	Đồng Tháp	315	205	520	Không đạt	
45	T41045	Vi Thanh Ngà	18/07/2003	Cần Thơ	325	385	710	Đạt	
46	T41046	Lê Tuyết Ngân	21/11/2003	Cần Thơ	455	225	680	Đạt	
47	T41047	Nguyễn Thảo Ngân	15/09/2003	Cà Mau	125	170	295	Không đạt	
48	T41048	Trần Huỳnh Ngọc	09/02/2002	Cần Thơ	215	330	545	Không đạt	
49	T41049	Châu Đình Nhật	18/10/2004	Cần Thơ	390	420	810	Đạt	
50	T41050	Nguyễn Trần Thảo Nhi	08/05/2003	Cần Thơ	405	235	640	Đạt	
51	T41051	Phạm Trần Yên Nhi	03/10/2004	Đồng Tháp	220	330	550	Không đạt	
52	T41052	Sử Thị Tuyết Nhi	22/09/2003	Bạc Liêu	410	335	745	Đạt	
53	T41053	Lý Gia Phát	24/05/2003	Cần Thơ	300	260	560	Đạt	
54	T41054	Đình Thái Phương	17/11/2003	Cần Thơ	295	390	685	Đạt	
55	T41055	Trà Văn Quyển	02/02/2003	Cà Mau	280	365	645	Đạt	
56	T41056	Châu Tấn Tài	15/08/2003	Bạc Liêu	175	235	410	Không đạt	
57	T41057	Trần Tấn Tài	09/09/2001	Cà Mau	245	190	435	Không đạt	
58	T41058	Phan Nhựt Tân	24/07/2003	Vĩnh Long	240	150	390	Không đạt	
59	T41059	Huỳnh Thị Hồng Thắm	12/01/2003	Cần Thơ	385	325	710	Đạt	
60	T41060	Trần Huỳnh Thiên	28/04/2004	Cần Thơ	265	295	560	Đạt	
61	T41061	Mai Chí Thiện	23/05/2003	Cần Thơ	195	315	510	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
62	T41062	Lữ Minh	Thư	11/04/2003	Cần Thơ	210	285	495	Không đạt	
63	T41063	Nguyễn Thị Bích	Trâm	04/10/2004	Cần Thơ	160	185	345	Không đạt	
64	T41064	Nguyễn Văn	Trọng	20/09/2003	Cần Thơ	195	190	385	Không đạt	
65	T41065	Phạm Thanh	Trung	02/06/2002	Đồng Tháp	-	-	0	Không đạt	Vắng
66	T41066	Trần Trường	Vỹ	17/06/2004	Cần Thơ	-	-	0	Không đạt	Vắng
67	T41067	Lê Thị Lan	Anh	20/03/2003	Hậu Giang	160	300	460	Không đạt	
68	T41068	Lý Tú	Anh	15/08/2004	Cần Thơ	305	305	610	Đạt	
69	T41069	Hồ Nhật	Bằng	10/12/2002	Cà Mau	305	315	620	Đạt	
70	T41070	Nguyễn Huỳnh Anh	Duy	23/05/2002	Vĩnh Long	300	-	300	Không đạt	Vắng
71	T41071	Trần Hữu	Đang	06/10/2004	Vĩnh Long	275	270	545	Đạt	
72	T41072	Lê Thị Tương	Giao	04/10/2003	Đồng Tháp	390	335	725	Đạt	
73	T41073	Nguyễn Ngọc	Hải	08/06/2004	Cần Thơ	245	295	540	Đạt	
74	T41074	Trần Minh	Huy	26/02/2003	Sóc Trăng	300	340	640	Đạt	
75	T41075	Lê Tuyết	Lan	07/05/2003	Vĩnh Long	195	265	460	Không đạt	
76	T41076	Phạm Tiểu	Lan	17/08/2003	Cần Thơ	270	245	515	Đạt	
77	T41077	Nguyễn Tăng Phúc	Lộc	27/01/2003	Cần Thơ	280	295	575	Đạt	
78	T41078	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	17/12/2004	An Giang	355	270	625	Đạt	
79	T41079	Đoàn Lê Hoài	Nam	08/12/2003	Cần Thơ	315	340	655	Đạt	
80	T41080	Trần Tấn	Ngọc	11/03/2003	Cần Thơ	350	295	645	Đạt	
81	T41081	Huỳnh Hữu	Nhân	01/01/2004	Hậu Giang	380	190	570	Không đạt	
82	T41082	Phan Thanh	Nhiệm	12/09/2002	Vĩnh Long	275	215	490	Không đạt	
83	T41083	Nguyễn Hồng	Phúc	05/02/2003	Kiên Giang	170	400	570	Không đạt	
84	T41084	Nguyễn Quang	Sang	11/11/2002	Vĩnh Long	190	310	500	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
85	T41085	Trương Huỳnh Ngọc Sơn	19/01/2003	Cà Mau	280	135	415	Không đạt	
86	T41086	Phan Liên Hữu Tình	14/07/2003	Cần Thơ	270	280	550	Đạt	
87	T41087	Trương Thanh Thảo	08/11/2001	Cà Mau	265	420	685	Đạt	
88	T41088	Lý Hoàng Thân	21/04/2004	Cần Thơ	385	280	665	Đạt	
89	T41089	Võ Minh Thùy	10/08/2003	Cần Thơ	225	440	665	Đạt	
90	T41090	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/01/2003	Đồng Tháp	380	220	600	Không đạt	
91	T41091	Cao Hoài Thương	27/10/2003	Cà Mau	410	315	725	Đạt	
92	T41092	Phan Thị Diễm Trinh	25/03/2003	Cần Thơ	400	300	700	Đạt	
93	T41093	Nguyễn Nhật Trường	19/06/2003	Hậu Giang	335	375	710	Đạt	
94	T41094	Trương Thị Thúy Vi	08/04/2004	An Giang	380	235	615	Đạt	
95	T41095	Cao Thị Kim Yên	26/12/2003	Đồng Tháp	370	240	610	Đạt	
96	T41096	Bùi Trần Nhật Long	30/12/2004	Hậu Giang	275	280	555	Đạt	

Danh sách 96 thí sinh

Đạt 47 thí sinh

Không đạt 49 thí sinh

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã